

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2025/DS-ST
Ngày: 07-8-2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin
- Bà Trần Thị Đổi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng TMCP S hoặc S1)

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: 266-268 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N - Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh L. (Theo quyết định số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 v/v ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: bà Đặng Thị Mỹ N1 - Chuyên viên kinh doanh thẻ - S1 - Chi nhánh L.

Địa chỉ nhận văn bản: 319 H, khu phố B, phường F, thành phố T, tỉnh Long An. Nay là: 319 H, khu phố B, phường L, tỉnh Tây Ninh.

(Văn bản ủy quyền ngày 26/9/2024) (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Nay là: ấp C, xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và người đại diện theo ủy quyền bà Đặng Thị Mỹ N1 trình bày:

Quá trình ký kết hợp đồng: Ngân hàng TMCP S - S1 có ký với ông Nguyễn Thanh N2 hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/4/2015 và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ theo hồ sơ thu nhập của ông Nguyễn Thanh N2, Ngân hàng đã chấp thuận cấp thẻ tín dụng với các nội dung cơ bản như sau: Hạn mức tín dụng: 10.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn hiện tại: 33,2%/năm. Lãi suất quá hạn hiện tại: 49,8%/năm. Thời hạn thanh toán: Chủ thẻ phải thanh toán số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn ghi trên Thông báo giao dịch của Ngân hàng. Phương thức thanh toán: Nộp tiền mặt, chuyển khoản, hoặc trích nợ tự động từ tài khoản thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi được cấp thẻ, ông Nguyễn Thanh N2 đã sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch với tổng giá trị là 78.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng, ông Nguyễn Thanh N2 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 97.395.401 đồng. Việc thanh toán được thực hiện theo thứ tự ưu tiên quy định tại Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Tuy nhiên, sau nhiều lần làm việc, nhắc nhở, ông Nguyễn Thanh N2 vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 19 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng xác định ông N2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 30/11/2023, toàn bộ dư nợ còn thiếu đã được chuyển sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 Hợp đồng.

Tính đến ngày 07/8/2025, ông Nguyễn Thanh N2 còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ gốc: 11.252.245đồng, lãi trong hạn: 6.380.420đồng, lãi quá hạn: 3.190.210đồng. Tổng cộng: 20.822.875đồng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, đồng thời tạo điều kiện về thời gian để ông N2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông vẫn không thanh toán khoản nợ vay quá hạn. Việc này đã vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh N2 thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 07/8/2025 là 20.822.875đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 11.252.245đồng, lãi trong hạn: 6.380.420đồng, lãi quá hạn: 3.190.210đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh N2 tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 08/8/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ, theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên.

Ngoài ra, ngân hàng không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N2 vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ và ý kiến nào liên quan đến vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Thanh N2 đã xác lập quan hệ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên cơ sở tự nguyện. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N2 đã sử dụng thẻ tín dụng để chi tiêu và phát sinh dư nợ, tuy nhiên sau đó không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ theo cam kết. Tính đến ngày 07/8/2025, ông N2 còn nợ Ngân hàng số tiền 20.822.875đồng, trong đó có cả gốc và lãi. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nêu trên cùng lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ nào phản bác, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Thanh N2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh N2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 07/8/2025 là 20.822.875đồng và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 08/8/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ, theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh N2 phải trả cho ngân hàng số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Do các bên không thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nơi bị đơn cư trú có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do bị đơn ông Nguyễn Thanh N2 có địa chỉ tại xã H, tỉnh Tây Ninh nên thẩm quyền giải quyết vụ án

theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh N2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Thanh N2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/4/2015, cùng các Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Thanh N2, nhận thấy, việc ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia giao dịch. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng có nội dung và hình thức không trái quy định của pháp luật, đã được các bên tự nguyện ký kết. Do đó, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/4/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với ông Nguyễn Thanh N2 có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại các Điều 117, Điều 385, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ: Theo thỏa thuận, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000 đồng, mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân. Ông Nguyễn Thanh N2 đã sử dụng thẻ để thực hiện nhiều giao dịch với tổng giá trị là 78.500.000 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 97.395.401 đồng. Tuy nhiên, theo cơ chế thanh toán được quy định tại Điều 20 của Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, số tiền thanh toán của khách hàng sẽ được phân bổ theo thứ tự ưu tiên (tiền lãi, phí, gốc...), nên đến thời điểm chốt nợ (ngày 07/8/2025), ông Nguyễn Thanh N2 vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền 20.822.875 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 11.252.245 đồng, lãi trong hạn: 6.380.420 đồng, lãi quá hạn: 3.190.210 đồng. Việc ông Nguyễn Thanh N2 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, dù đã được Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng, vi phạm quy định tại Điều 280, Điều 351 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông N2 phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi đến ngày 07/8/2025 là 20.822.875 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản

đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn đưa ra. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận toàn bộ. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh N2 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 07/8/2025 là 20.822.875đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 11.252.245đồng, lãi trong hạn: 6.380.420đồng, lãi quá hạn: 3.190.210đồng và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả xong nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Thanh N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn ông Nguyễn Thanh N2.

1. Buộc ông Nguyễn Thanh N2 thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ đến ngày 07/8/2025 là 20.822.875đồng (hai mươi triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: Dư nợ gốc: 11.252.245đồng, lãi trong hạn: 6.380.420đồng, lãi quá hạn: 3.190.210đồng.

Kể từ ngày 08/8/2025, ông Nguyễn Thanh N2 còn phải trả tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/4/2015 và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh N2 phải chịu 1.041.143đồng (một triệu không trăm bốn mươi một nghìn một trăm bốn mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 386.000đồng (Ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004303 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Tây Ninh).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 3 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thúy Hồng